

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-7-2023

“V/v Tranh chấp về Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhậ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 515/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28/12/2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Ngọc B – sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: ấp PT, xã VPA, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T – sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp PT, xã VPA, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 21/12/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Dương Thị Ngọc B trình bày:

Vào năm 2008, chị kết hôn cùng với anh Nguyễn Hữu T, hôn nhân tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và sau đó vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND Phường Vĩnh Quang, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/12/2009.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 10 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng chị không lo làm ăn mà suốt ngày cờ bạc và còn mượn danh của chị đi mượn nợ để lấy tiền cờ bạc. Sự việc này cứ lặp đi lặp lại nhiều lần từ những năm trước cho

đến nay, chị và gia đình bên chồng đã khuyên ngăn rất nhiều nhưng chồng chị chỉ hứa mà không thay đổi. Chị vì thương chồng, thương con nên cố gắng chịu đựng, hy sinh để cho các con có được một mái ấm và có đủ cha mẹ nhưng chồng chị ngày càng lún sâu, không có hướng khắc phục nên chị dọn ra ngoài sống khoảng hơn 3 tháng nay. Chị nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc, vợ chồng chị không thể hàn gắn lại với nhau được, kéo dài cũng không có kết quả nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung là: Nguyễn Dương Gia Bảo – sinh ngày 10/4/2009 và Nguyễn Dương Ngọc Trân – sinh ngày 06/7/2013. Cả hai cháu hiện nay đang sống cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B xác định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân, chị Dương Thị Ngọc B yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T; Về con chung, chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Dương Ngọc Trân, chị đồng ý giao cháu Nguyễn Dương Gia Bảo cho anh T nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, chị B xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung chị cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu T không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh T.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03/3/2023, Bị đơn anh Nguyễn Hữu T hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Anh T thừa nhận thời gian gần đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân bắt nguồn từ việc anh nghi ngờ chị B không thật tình. Từ đó, anh buồn, chán nản, bỏ bê công việc làm ăn và có tụ tập rượu chè, anh không có bạo hành với chị B nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung, thường hay gây gổ với nhau. Anh T xin được gia hạn một năm để anh đi làm (làm xa) kiếm tiền bù đắp lại cho vợ con.

Nguyên vọng: Về quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Hữu T không đồng ý ly hôn với chị Dương Thị Ngọc B, vì anh còn thương vợ, thương con; Về con chung: Nếu như chị B cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi hai con chung là Nguyễn Dương Gia Bảo – sinh ngày 10/4/2009 và Nguyễn Dương Ngọc Trân – sinh ngày 06/7/2013 và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Anh T xác định vợ chồng đã tự thỏa thuận xong; nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tuy nhiên, còn vi phạm thời

gian chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 58 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Dương Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T; Về con chung: Giao cháu Ngọc Trân cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Gia Bảo cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Dương Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu T được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Nguyễn Hữu T với tư cách là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Thị Ngọc B và anh Nguyễn Hữu T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND Phường Vĩnh Quang, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 280 quyển số 02 ngày 04/12/2009, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Dương Thị Ngọc B xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu T vì lý do chồng chị không lo làm ăn mà suốt ngày cờ bạc và còn mượn danh của chị đi mượn nợ để lấy tiền đi cờ bạc. Sự việc này cứ lặp đi lặp lại nhiều lần từ những năm trước cho đến nay, chị và gia đình bên chồng đã khuyên ngăn rất nhiều nhưng chồng chị chỉ hứa mà không thay đổi, nay càng lún sâu thêm và không ai khuyên bảo được nên chị quyết định ly hôn. Còn anh T thừa nhận, do anh không tin tưởng, anh nghi ngờ chị B không thiết tình nên từ đó buồn chán, bỏ bê công việc làm ăn và tụ tập rượu chè làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng tăng, nhưng anh cho rằng anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn mà muốn xin gia hạn một năm để anh đi làm ăn tìm cách bù đắp cho vợ con để vợ chồng hàn gắn. HĐXX thấy rằng, sau hơn 10 năm chung sống, giữa chị B và anh T đã không còn duy trì được tình cảm yêu thương dành cho nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng thường xảy ra cụ thể là vợ chồng thường xuyên bất đồng, tranh cãi, không có tiếng nói chung và bỏ mặc không ai thêm nói tới ai để giải

quyết bất đồng trong cuộc sống hôn nhân. Tại phiên tòa, chị B đã tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn vì không thể chịu đựng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc như vậy. Do đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Dương Thị Ngọc B và anh Nguyễn Hữu T xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là: Nguyễn Dương Gia Bảo – sinh ngày 10/4/2009 và Nguyễn Dương Ngọc Trân – sinh ngày 06/7/2013. Hai cháu hiện nay đang sống cùng với chị B. Chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Dương Ngọc Trân và cháu Trân cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị B. Chị B đồng ý giao cháu Nguyễn Dương Gia Bảo cho anh T nuôi và cháu B cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với anh T.

Xét sự thỏa thuận nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp theo nguyện vọng của cháu Bảo và cháu Trân. Do đó, HĐXX xem xét ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Dương Thị Ngọc B và anh Nguyễn Hữu T thống nhất xác định vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Nợ chung: Chị Dương Thị Ngọc B và anh Nguyễn Hữu T thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị B phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Dương Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Dương Ngọc Trân – sinh ngày 06/7/2013 cho chị Dương Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung tên Nguyễn Dương Gia Bảo – sinh ngày 10/4/2009 cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Ngọc B phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001914, ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Dương Thị Ngọc B đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 17/7/2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Phước A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhật

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập